

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-PT

Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Toàn Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2022/HSPT ngày 27/01/2022 đối với các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo gồm:

1. Bị cáo Cao Văn C sinh năm 1977 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà X, tổ dân phố T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân Q và bà Phạm Thị C1; có vợ là chị Lâm Thị H1; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Bị cáo Trần Đức H, sinh năm 1983 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức P và bà Nguyễn Thị B1; có vợ là Bùi Thị D; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 20-QĐ/UBNDTHU ngày 22/10/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Tiền Hải; là người khuyết tật vận động mức độ đặc biệt nặng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Bị cáo Lê Văn L sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ2, xã Đ3, huyện T3, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú và chỗ ở hiện nay: thôn P1, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị M; có vợ là Kiều Thị Thanh T4; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Bị cáo Đặng Văn B sinh năm 1983 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T5, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B2 và bà Nguyễn Thị D1; có vợ là Bùi Bích N; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo là người khuyết tật vận động, trí tuệ mức độ đặc biệt nặng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức H và Đặng Văn B: Ông **Nguyễn Tiến S** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Xuân T6, Lương Thị M1, Vũ Thị T7, Trần Văn S1, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; các bị cáo Bùi Văn T8, Nguyễn Hữu T9 có kháng cáo nhưng đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T8 và Trần Xuân T6 thỏa thuận với nhau là T8 sẽ thu các bảng lô bảng đề của người khác rồi tổng hợp chuyển cho T6 với giá: 01 vạch đề hoặc 01 điểm lô xiên là 650.000 đồng, 01 điểm lô giá 21.700 đồng, 01 điểm lô ba càng giá 720 đồng; nếu trúng thưởng thì T6 trả cho T8 70.000 đồng/01 vạch đề, 80.000 đồng/01 điểm lô, 400.000 đồng/01 điểm lô ba càng; nếu không trúng thì T6 được hưởng số tiền nhận số lô số đề của T8; T8 và T6 sẽ thanh toán với nhau vào ngày hôm sau.

Sau đó, T8 đã chủ động gặp Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B, Vũ Văn R, Lương Thị K1 (sau đây gọi chung là người bán lô đề) và đặt vấn đề với họ để họ bán số lô, số đề cho khách mua rồi tổng hợp thành bảng chuyển cho T8 với giá 730 đồng/01 vạch đề, nếu trúng thưởng T8 trả 70.000 đồng/01 vạch; 21.800 đồng/01 điểm lô, nếu trúng thưởng T8 trả 80.000 đồng/01 điểm lô; 400.000 đồng/01 điểm lô ba càng, 1500.000 đồng/01 điểm lô bốn càng; nếu không trúng thì

T8 được hưởng số tiền nhận số lô số đề của các Thư ký. Các Thư ký phải chuyển cho T8 bảng số lô, số đề đã bán cho khách trong ngày trước giờ mở thưởng xổ số Miền Bắc, T8 và các Thư ký sẽ thanh toán với nhau vào ngày hôm sau.

Sau khi thỏa thuận với T8, các Thư ký đã bán cho khách mua 01 điểm lô là 22.500 đồng; 01 vạch đề hay 01 điểm lô xiên, 01 điểm ba càng là 1.000 đồng và cũng thống nhất với khách là nếu người mua trúng thưởng thì sẽ được trả 70.000 đồng/vạch đề, 10.000 đồng/01 điểm lô, 450.000 đồng/01 điểm lô ba càng, 1.500.000 đồng/01 điểm lô xiên bốn; nếu người mua không trúng thì bị mất số tiền đã ghi (mua) số lô, số đề với người người bán.

Ngày 20/4/2021, các bị cáo đã thực hiện việc bán lô đề như sau:

Trần Đức H bán (ghi) các số lô, số đề cho khách tổng số tiền là 41.939.000 đồng, chuyển cho T8 số tiền là 40.308.000 đồng, số tiền hoa hồng H được hưởng là 1.630.300 đồng. Đặng Văn B bán (ghi) các số lô, số đề cho khách tổng số tiền là 10.198.500 đồng, chuyển cho T8 số tiền là 9.221.000 đồng, số tiền hoa hồng B được hưởng là 977.500 đồng. Lương Thị M1 bán (ghi) các số lô, số đề cho khách tổng số tiền là 8.468.400 đồng, chuyển cho T8 số tiền là 7.819.000 đồng, số tiền hoa hồng M1 được hưởng là 649.000 đồng. Vũ Văn R bán (ghi) các số lô, số đề cho khách tổng số tiền là 2.109.500 đồng, chuyển cho T8 số tiền là 1.881.600 đồng, số tiền hoa hồng R được hưởng là 227.900 đồng. Phan Thị K1 bán (ghi) các số lô, số đề cho khách tổng số tiền là 210.000 đồng, chuyển cho T8 số tiền là 153.000 đồng, số tiền hoa hồng K1 được hưởng là 57.000 đồng. Tổng số tiền T8 nhận số lô, số đề từ các Thư ký và bán trực tiếp là 84.699.200 đồng.

Ngoài ra, T8 còn tục tiếp bán lô đề cho khách mua lô đề qua tin nhắn điện thoại, gồm những người sau: Trần Văn S1 với tổng số tiền là 4.060.000 đồng; Phạm Văn T10 nhắn tin mua số lô đề của T8 với tổng 4.032.000 đồng; Nguyễn Văn H2 nhắn tin mua số lô đề của T8 với tổng số tiền là 3.817.640 đồng; Nguyễn Văn D2 nhắn tin mua số lô đề của T8 với tổng số tiền là 1.804.000 đồng. Tổng số tiền T8 bán trực tiếp là 13.713.640 đồng.

Sau khi nhận bảng các số lô, số đề từ các thư ký và những người chơi qua ứng dụng zalo và tin nhắn văn bản trên điện thoại, tổng số tiền T8 nhận số lô, số đề từ các Thư ký và bán trực tiếp, T8 tổng hợp lại thành bảng và chuyển cho Trần Xuân T6 bảng lô, đề với số tiền là 24.134.000 đồng; còn lại số lô đề trị giá 74.278.640 đồng, T8 giữ lại để tự trả thưởng cho các thư ký và người mua.

Ngày 21/4/2021 Trần Xuân T6 được triệu tập lên làm việc, quá trình điều tra T6 đã thừa nhận: ngày 20/4/2021, ngoài nhận bảng lô, đề của T8 với số tiền là 24.134.000 đồng, T6 còn nhận bảng số lô, số đề từ các thư ký khác gồm: nhận bảng lô đề của Nguyễn Hữu T9 22.170.480 đồng, nhận bảng lô đề của tài khoản Zalo có tên “V” với số tiền là 2.436.800 đồng và trực tiếp bán số lô, đề cho những

người mua ứng dụng zalo trên điện thoại và tin nhắn văn bản gồm của T6 gồm: Vũ Thị T7 3.038.000 đồng, Trần Văn Nhuận 2.700.000 đồng, Nguyễn Văn Tuyên 270.000 đồng, 01 người đàn ông người đàn ông không quen biết (không biết tên, tuổi, địa chỉ) 2.164.780 đồng.

Tổng số tiền Trần Xuân T6 nhận bằng lô đề của Bùi Văn Tuấn, Nguyễn Hữu Tiến và tài khoản Zalo có tên “Vy Nhung” là 48.741.280 đồng và trực tiếp bán cho Vũ Thị Thoa, Trần Văn N1, Nguyễn Văn T11, người đàn ông lạ mặt số tiền là 12.972.780 đồng. Sau khi tổng hợp lại, T6 tập hợp thành bảng, T6 gọi điện cho Cao Văn C hỏi C có nhận số lô đề không, C trả lời “Có”; T6 và C thỏa thuận: T6 nhận bằng lô đề từ các thư ký và khách chơi, đề và 3 càng với giá 720 đồng, chuyển cho C với giá 710 đồng, còn giá 01 điểm lô vẫn giữ nguyên là 21.700 đồng, số tiền trả thưởng và cách thức thanh toán tương tự với Bùi Văn T8; T6 đã chuyển C bằng lô đề với số tiền 36.284.100 đồng. Sau khi nhận bằng lô đề từ T6, C giữ lại số lô đề trên và tự trả thưởng. Đối chiếu với kết quả xổ số Miền Bắc ngày 20/8/2021 thì bằng lô đề T9 chuyển cho T6 có số lô, số đề trúng thưởng là 37.700.000 đồng; T7 mua số lô đề của T6 trúng thưởng 4.800.000 đồng; T11, N1 và người đàn ông mua số lô, số đề của T6 không trúng thưởng; bằng lô đề của T6 chuyển cho C có số lô, số đề trúng thưởng là 31.900.000 đồng.

Nguyễn Hữu T9, Lê Văn L, Đặng Văn B, Lương Thị M1, Phan Thị K1, Nguyễn Hữu T9 không xác định được người mua số lô, số đề; Trần Đức H xác định được một rong số các khách mua số lô, số đề của H có Trần Quang T12 sinh năm 1990 trú tại thôn P1, xã Đ1, huyện T có trực tiếp mua của H 30 điểm lô với giá 675.000 đồng. Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B, Lương Thị M1, Phan Thị K1, Nguyễn Hữu T9 đã nhận tiền mua lô, đề của người chơi nhưng giữa T8, với T6 và L, B, M1, K1 và những người trực tiếp mua lô, đề của T8 trên chưa thanh toán với nhau. Giữa T6 với C, giữa T6 với T8 và những người trực tiếp mua lô, đề của T6 chưa thanh toán cho nhau.

Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã tuyên bố: các bị cáo Bùi Văn T8, Trần Xuân T6 đều phạm tội “*Đánh bạc*” và “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H đều phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Nguyễn Hữu T9, Lê Văn L, Đặng Văn B, Lương Thị M1, Vũ Thị T7, Trần Văn S1 đều phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cao Văn C 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Đức H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Văn B 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Bùi Văn T8 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt Trần Xuân T6 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021; xử phạt Nguyễn Hữu T9 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2021; xử phạt bị cáo Lương Thị M1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/12/2021; xử phạt bị cáo Vũ Thị T7 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/12/2021; xử phạt bị cáo Trần Văn S1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình ấn định thời gian bị cáo S1 có mặt tại Ủy ban nhân dân xã Đ4, huyện T, tỉnh Thái Bình, khẩu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo S1 chấp hành hình phạt là 5.400.000 đồng/18 tháng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày, các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu và tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức H, Đặng Văn B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và bị cáo B, cho các bị cáo được hưởng án treo vì: các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh của các bị cáo đặc biệt khó khăn, cụ thể; Bị cáo H bị liệt cụt một chân, phải di chuyển bằng nạng; bị cáo B thì liệt hai chân và tay phải, phải đi lại bằng xe lăn; vợ bị cáo lại bị câm điếc, con bị cáo còn quá nhỏ; mọi sinh hoạt hàng ngày chủ yếu phụ thuộc vào sự giúp đỡ của cha mẹ bị cáo. Các bị cáo đều không thể chấp hành hình phạt tù được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B; giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo đều nói lời sau cùng: đây là lần đầu tiên các bị cáo vi phạm pháp luật, mong được sự khoan hồng của pháp luật và đều hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phức tạp phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định:

Ngày 20/4/2021, bị cáo Bùi Văn T8 tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với các bị cáo Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B, Lương Thị M1, Phan Thị K1 với số tiền là 84.699.200 đồng và đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với bị cáo Trần Văn S1, anh Phạm Văn T10, anh Nguyễn Văn D2, anh Nguyễn Văn H2 với số tiền là 13.713.640 đồng; bị cáo Trần Xuân T6 tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi lô với bị cáo Bùi Văn T8, bị cáo Nguyễn Hữu T9 và người có tài khoản zalo “V” với số tiền là 86.441.480 đồng và đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với bị cáo Vũ Thị T7, anh Nguyễn Văn T11 và người đàn ông không quen biết với số tiền là 12.972.780 đồng; bị cáo Cao Văn C tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi lô với bị cáo Trần Xuân T6 với số tiền là 36.284.100 đồng; bị cáo Trần Đức H tổ chức đánh bạc hình thức chơi lô, đề với số tiền là 40.308.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu T9 đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với số tiền là 59.870.480 đồng; bị cáo Lê Văn L đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với số tiền là 25.316.600 đồng; bị cáo Đặng Văn B đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với số tiền là 9.221.000 đồng; bị cáo Trần Văn S1 đánh bạc dưới hình thức chơi lô, đề với số tiền là 4.060.000 đồng nhưng S1 lại có 1 tiền sự về hành vi đánh bạc.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố: các bị cáo Bùi Văn T8, Trần Xuân T6 phạm tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H phạm tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu T9 phạm tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn L, Đặng Văn B, Lương Thị M1, Vũ Thị T7, Trần Văn S1, phạm tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; hai bị cáo L và B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, hai bị cáo H và B đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “*Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng*” và có bố đẻ được tặng thưởng Huân, huy chương, bằng khen. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo L đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền bán số lô, số đề vào ngân sách Nhà nước nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như bản án sơ thẩm đã tuyên mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và gia đình, quản lý cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và nhà nước ta.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B xin được hưởng án treo là có căn cứ, được chấp nhận. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm: giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo hưởng án treo.

[4] Kháng cáo của các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình về phân hình phạt đối với các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cao Văn C 01 (một) năm 09 (chín)

tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/3/2022 về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Giao bị cáo Cao Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Đức H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/3/2022 về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/3/2022 về tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Văn B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/3/2022 về tội “*Đánh bạc*”.

Giao bị cáo Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Cao Văn C, Trần Đức H, Lê Văn L, Đặng Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 25/3/2022.

Nơi nhân:

- Viện kiểm sát tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự, Viện kiểm sát, Tòa án huyện Tiền Hải;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh

